

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THANH HÀ
TỈNH HẢI DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 31/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 28-6-2023

V/v ly hôn, tranh chấp nuôi
con khi ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THANH HÀ, TỈNH HẢI DƯƠNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Vũ Thị Nhung.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Bà Bùi Thị Vân
- Ông Hoàng Ngọc Thành

- Thư ký phiên tòa: Bà Hoàng Thị Thủy - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thanh Hà.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Hà tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị D - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 6 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thanh Hà xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 104/2023/TLST-HNGĐ ngày 10/4/2023 về việc ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 28/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 08/6/2023, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị D, sinh năm 1999

Địa chỉ: Thôn N, xã V, huyện T, tỉnh Hải Dương

2. *Bị đơn:* Anh Nguyễn Văn Đ, sinh năm 1992

Địa chỉ: Xóm Đ1, phường P, thành phố Y, tỉnh Thái Nguyên.

3. *Người làm chứng:*

- Bà Ngô Thị N1, sinh năm 1962; địa chỉ: Thôn N, xã V, huyện T, tỉnh Hải Dương.

(Tại phiên tòa, chị D, anh Đ và người làm chứng đều vắng mặt và trước đó đã có ý kiến đề nghị xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn xin ly hôn và lời khai của nguyên đơn thể hiện: Chị D và anh

Đ kết hôn ngày 10/3/2017 trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã P, thị xã Y, tỉnh Thái Nguyên (nay là phường P, thành phố Y, tỉnh Thái Nguyên). Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc khoảng 03 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng có nhiều bất đồng về tính cách, lối sống nên thường xuyên cãi nhau. Vợ chồng chị đã sống ly thân từ lâu, không ai quan tâm đến ai. Đến nay chị xác định không còn tình cảm vợ chồng nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị ly hôn với anh Đ.

Về con chung: Vợ chồng chị có 02 con chung là Nguyễn Văn M, sinh ngày 21/01/2017 và Nguyễn Thị N2, sinh ngày 12/6/2019. Khi ly hôn, chị xin nuôi cả hai con chung và tự nguyện không yêu cầu anh Đ cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản, công sức, nợ chung: Chị không yêu cầu giải quyết.

* Bị đơn là anh Nguyễn Văn Đ trình bày về việc đăng ký kết hôn như nguyên đơn đã trình bày. Trong quá trình chung sống, vợ chồng anh đã nảy sinh mâu thuẫn, đến nay không còn tình cảm với nhau nên anh nhất trí ly hôn với chị D.

Về con chung: Vợ chồng anh có 02 con chung, tên tuổi như chị D đã trình bày. Khi ly hôn, chị D xin nuôi cả 02 con chung và tự nguyện không yêu cầu anh cấp dưỡng nuôi con, anh nhất trí ý kiến của chị D.

Về tài sản, công sức nợ chung: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Lời khai của người làm chứng là bà Ngô Thị N1 (mẹ đẻ chị D) thể hiện: Trong thời gian chung sống, vợ chồng chị D đã nảy sinh mâu thuẫn trầm trọng, vợ chồng đã sống ly thân khoảng 3 năm nay nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị D ly hôn anh Đ. Về con chung, đề nghị Tòa án giao cả 02 con chung cho chị D trực tiếp nuôi dưỡng, bà sẽ tạo điều kiện về chỗ ở cho mẹ con chị D.

Vụ án không tiến hành hòa giải được do bị đơn xin giải quyết, xét xử vắng mặt và không có mặt tại phiên họp hòa giải; nguyên đơn đề nghị không tiến hành hòa giải.

Tại phiên tòa sơ thẩm: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt.

Đại diện VKSND huyện Thanh Hà phát biểu ý kiến: Việc chấp hành pháp luật của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử (viết tắt: HĐXX) và đương sự trong quá trình giải quyết vụ án theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Về quan điểm giải quyết vụ án, đề nghị HĐXX áp dụng Điều 39 Bộ luật dân sự; Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 227, 228, 229, 147 của Bộ luật tố tụng dân sự: Về quan hệ hôn nhân, xử chị D ly hôn anh Đ. Về con chung: Giao 02 con chung là Nguyễn Văn M sinh, ngày 21/01/2017 và Nguyễn Thị N2, sinh ngày 12/6/2019 cho chị D trực tiếp nuôi dưỡng đến khi con chung thành niên. Chấp nhận sự tự nguyện của chị D không yêu cầu anh Đ cấp dưỡng nuôi con. Nguyên đơn phải chịu án phí sơ thẩm theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu hồ sơ vụ án được thẩm tra công khai tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Tại phiên tòa, nguyên đơn, bị đơn, người làm chứng vắng mặt nhưng trước đó đã đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt họ. Vì vậy, Tòa án xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn, người làm chứng theo quy định tại Điều 227, 228, 229 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Về quan hệ hôn nhân: Chị D, anh Đ có đăng ký kết hôn tại UBND xã P trên cơ sở tự nguyện nên là hôn nhân hợp pháp. Căn cứ lời khai của các đương sự, lời khai của người làm chứng và các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án, HĐXX thấy: Trong quá trình chung sống, vợ chồng chị D đã nảy sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn chủ yếu do vợ chồng có nhiều bất đồng về tính cách, lối sống. Thực tế, vợ chồng đã sống ly thân từ lâu, không ai quan tâm đến ai. Nay chị D xin ly hôn, anh Đ xác định không còn tình cảm với chị D nên đã đồng ý ly hôn. Như vậy mâu thuẫn vợ chồng anh chị đã thực sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện, xử chị D ly hôn anh Đ là phù hợp với quy định của Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[3]. Về quan hệ con chung: Vợ chồng chị D, anh Đ có 02 con chung là Nguyễn Văn M, sinh ngày 21/01/2017 và Nguyễn Thị N2, sinh ngày 12/6/2019. Hiện nay hai con đều đang ở với mẹ. Chị D xin nuôi cả 02 con chung, anh Đ nhất trí nên ý kiến của chị D về con chung được Tòa án chấp nhận.

Chị D không yêu cầu anh Đ cấp dưỡng nuôi con, xét đây là ý chí tự nguyện của đương sự, được Tòa án chấp nhận.

[4]. Về tài sản, công sức, nợ chung: Đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết, vì vậy HĐXX không xem xét.

[5]. Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 227, Điều 228, Điều 229, Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự. Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử chị Nguyễn Thị D ly hôn anh Nguyễn Văn Đ.

2. Về con chung: Giao 02 con chung là Nguyễn Văn M, sinh ngày 21/01/2017 và Nguyễn Thị N2, sinh ngày 12/6/2019 cho chị Nguyễn Thị D nuôi dưỡng, kể từ tháng 6/2023 cho đến khi con chung thành niên.

Chấp nhận sự tự nguyện của chị D không yêu cầu anh Đ cấp dưỡng nuôi con.

Anh Đ có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị D phải chịu 300.000đ án phí sơ thẩm ly hôn. Đối trừ 300.000đ tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số AA/2021/0003501 ngày 06/4/2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thanh Hà, tỉnh Hải Dương, chị D đã thực hiện xong nghĩa vụ về án phí.

4. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Thanh Hà;
- Chi cục THADS huyện Thanh Hà;
- Các đương sự;
- UBND xã P, TP. Y, tỉnh Thái Nguyên
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Vũ Thị Nhung